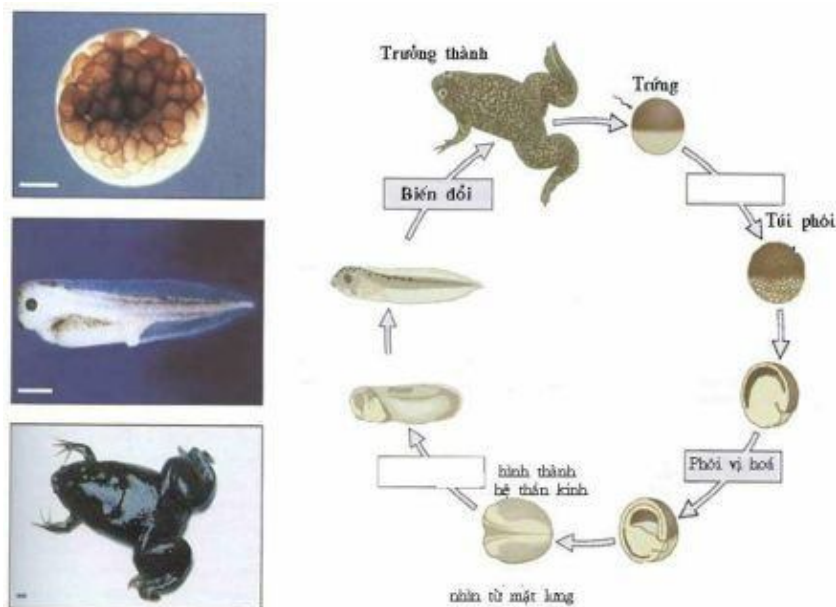


Ôn tập Sinh học 11 bằng các bảng so sánh



Kì thi học kì đã đến, với mong muốn giúp các bạn lớp 11 dễ dàng hơn trong việc lập các bảng so sánh, mình xin giới thiệu một số bảng so sánh các kiến thức thuộc chương trình Sinh học 11 để các bạn tham khảo



Bảng 1: So sánh sự sinh trưởng ở thực vật và động vật

Tiêu chí	Thực vật	Động vật
Bản chất	Là quá trình tăng về kích thước (chiều dài, bề mặt, thể tích) của cơ thể --> biến đổi về lượng juá trình tăng lên về số lưc vật và động vật động vậtvật	Là sự gia tăng kích thước cũng như khối lượng cơ thể --> biến đổi về lượng
Cơ chế	- Do sự tăng lên về số lượng và kích thước tế bào --> làm cây lớn lên trong từng giai đoạn. - Nhờ hoạt động nguyên phân của mô	Do sự phân chia và lớn lên của các tế bào, mô cũng như cơ quan và của toàn cơ thể theo thời gian.

	phân sinh.	
Tính giới hạn	Có giới hạn	Có giới hạn
Mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển	Sinh trưởng và phát triển là 2 quá trình liên tiếp xen kẽ nhau trong quá trình sống của thực vật. Sự biến đổi về số lượng của sinh trưởng ở rễ, thân, lá dẫn đến sự thay đổi về chất lượng ở hoa, quả, hạt.	Sinh trưởng và phát triển có mối quan hệ mật thiết với nhau. Sinh trưởng tạo tiền đề cho phát triển, sinh trưởng là thành phần của phát triển, và ngược lại phát triển thúc đẩy sinh trưởng.

Bảng 2: So sánh sự phát triển ở thực vật và động vật

Bảng 3: So sánh sinh sản hữu tính giữa thực vật và động vật

Tiêu chí	Thực vật	Động vật
Bản chất	Là hình thức tạo ra cá thể mới nhờ có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái tạo thành hợp tử thông qua quá trình thụ tinh.	Là hình thức tạo ra cá thể mới nhờ có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái tạo thành hợp tử thông qua quá trình thụ tinh.
Đặc điểm thụ tinh	- Nhân giao tử đực (n) và nhân giao tử cái (n) hợp nhất với nhau trong túi phôi tạo thành hợp tử lưỡng bội (2n).	- Nhân giao tử đực (n) và nhân giao tử cái (n) hợp nhất với nhau tạo thành hợp tử lưỡng bội (2n). - Sự thụ tinh có thể xảy

	- Ở thực vật hạt kín có hiện tượng thụ tinh kép: + 1 tinh tử kết hợp với noãn cầu tạo nên hợp tử $2n$ à phát triển thành phôi. + 1 tinh tử kết hợp với nhân cực tạo nhân tam bội à phát triển thành nội nhũ cung cấp chất dinh dưỡng cho phôi).	ra ở ngoài cơ thể hoặc ở trong cơ thể nhờ cơ quan giao phối. - Xu hướng thụ tinh: + Tự thụ tinh --> thụ tinh chéo. + Thụ tinh ngoài --> thụ tinh trong.
Sự phát triển phôi	- Phôi phát triển trong hạt, sử dụng chất dinh dưỡng từ nội nhũ tam bội để phát triển thành cây mầm gồm rễ mầm, thân mầm, chồi mầm và lá mầm. - Bầu nhụy phát triển	Giai đoạn phân cắt trứng (hợp tử phân chia tạo nên phôi gồm nhiều tế bào giống nhau), giai đoạn phôi nang (phôi gồm lớp tế bào khác nhau bao lấy xoang trung tâm), giai đoạn phôi vị (phôi gồm 2 – 3 lá phôi có

	thành quả. Phôi chứa trong quả.	nhiều tế bào khác nhau), giai đoạn mầm cơ quan (phôi gồm nhiều tế bào biệt hoá khác nhau tạo nên các mô khác nhau là mầm của các cơ quan).
Điều hòa sinh sản	Sinh sản thực vật	Sinh sản động vật được điều hòa chủ yếu bởi các hoocmon sinh dục và hệ thần kinh theo cơ chế điều hòa ngược. Ngoài ra các yếu tố môi trường cũng ảnh hưởng đến quá trình sinh sản.

Bảng 4: So sánh sinh sản vô tính ở thực vật và động vật

Tiêu chí	Thực vật	Động vật
-----------------	-----------------	-----------------

Hình thức	- Sinh sản bằng bào tử: cá thể con được hình thành từ tế bào đã biệt hóa của cơ thể mẹ gọi là bào tử. Bào tử được hình thành trong túi bào tử của cây trưởng thành (thể bào tử). - Sinh sản sinh dưỡng: Cá thể con có thể phát triển từ một phần của cơ quan sinh dưỡng của cơ thể mẹ như thân củ, rễ, lá...	- Phân đôi: cơ thể mẹ tự co thắt tạo thành 2 phần giống nhau, mỗi phần sẽ phát triển thành một cá thể mới. - Nảy chồi: một phần của cơ thể phát triển hơn các vùng lân cận, tạo thành cơ thể mới. - Phân mảnh: cơ thể mẹ tách thành nhiều phần nhỏ, mỗi phần phát triển thành một cơ thể mới. (bọt biển). - Trinh sinh: hiện tượng giao tử cái không qua thụ tinh phát triển
-------------------------	--	--

		thành cơ thể đơn bội (n).
Cơ sở tế bào học	Quá trình nguyên phân	Quá trình nguyên phân
Điều hòa sinh sản	Hằng số tỉ lệ giữa thể tích nhân và thể tích tế bào chất.	Hằng số tỉ lệ giữa thể tích nhân và thể tích tế bào chất.

Bảng 5: So sánh cảm ứng ở thực vật và động vật

Tiêu chí	Thực vật	Động vật
Bộ phận thu nhận kích thích	Hoa, lá, thân, rễ.....	Các giác quan, các tế bào thụ cảm.
Phương thức truyền	Không có	Xung thần kinh

thông tin		
Bộ phận phân tích, tổng hợp kích thích	Không có bộ phận phân tích, tổng hợp kích thích. Cơ thể trả lời kích thích 1 cách trực tiếp.	- Đối với ĐV chưa có hệ thần kinh: trả lời kích thích 1 cách trực tiếp, không có cơ quan phân tích, tổng hợp kích thích. - Đối với ĐV có hệ thần kinh: bộ phận phân tích, tổng hợp kích thích là hệ thần kinh.
Bộ phận trả lời kích thích	Hoa, lá, thân, rễ....	Các cơ quan đáp ứng
Đặc điểm chung	Phản ứng chậm, khó nhận thấy, hình thức kém đa	Phản ứng nhanh, dễ nhận thấy, hình thức

	dạng.	đa dạng.
Biểu hiện hình thức cảm ứng	- Hướng động (vận động định hướng): hướng động âm, hướng động dương. - Ứng động (vận động cảm ứng): ứng động sinh trưởng. ứng động không sinh trưởng.	- ĐV chưa có hệ TK: hướng động (chuyển động đến kích thích hoặc tránh xa kích thích). Cơ thể phản ứng lại bằng chuyển động của cơ thể hoặc co rút chất nguyên sinh. - ĐV đã có tổ chức TK: các phản xạ, phản ứng trả lời các kích thích của môi trường thông qua hệ TK.
Ý nghĩa	- Hướng động giúp cây sinh trưởng hướng tới tác nhân môi trường thuận	Giúp động vật có những phản ứng lại các biến đổi của môi trường

	lợi à giúp cây thích ứng với những biến động của điều kiện môi trường để tồn tại và phát triển. - Ứng động giúp thực vật thích nghi đa dạng đối với sự biến đổi của môi trường để tồn tại và phát triển.	sống để thích nghi, tồn tại và phát triển.
--	--	---